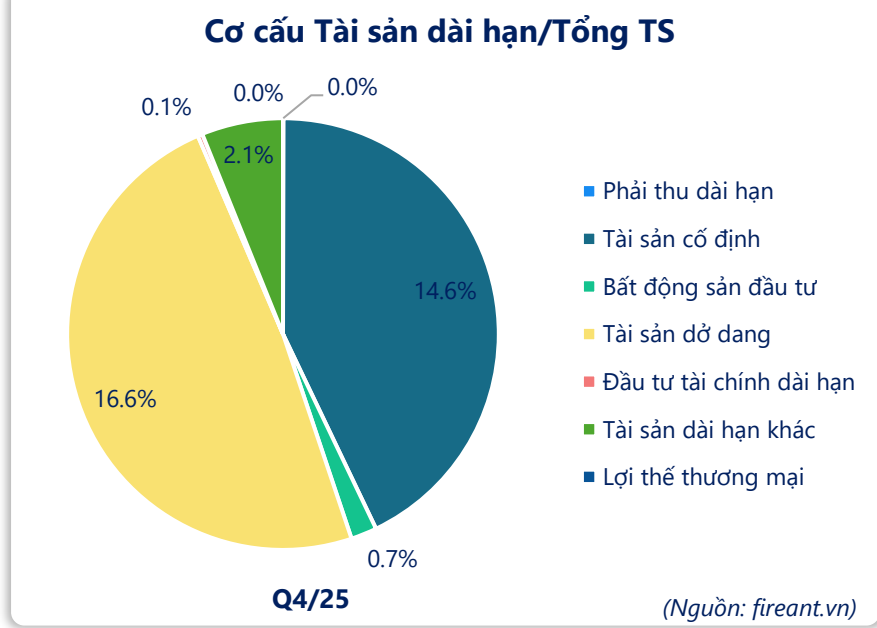
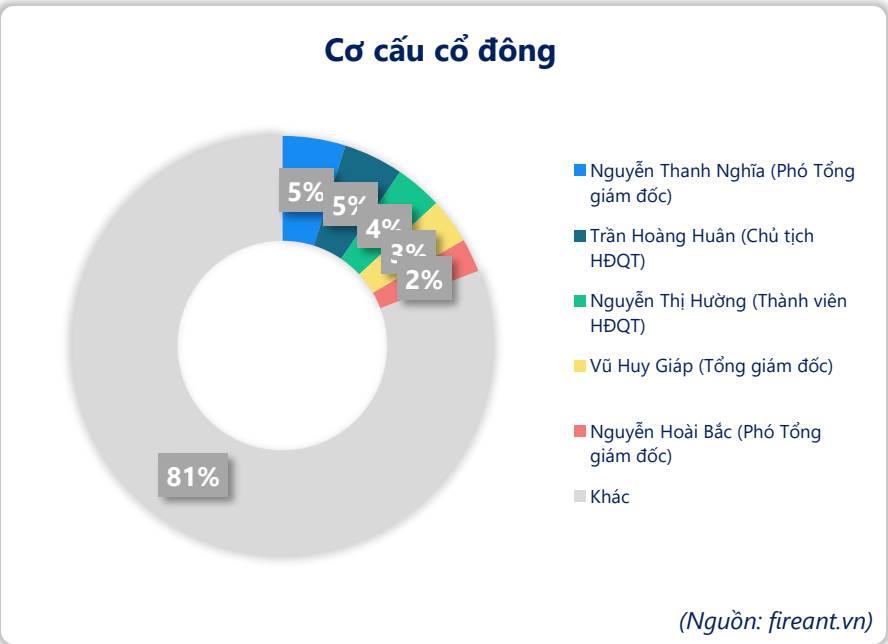
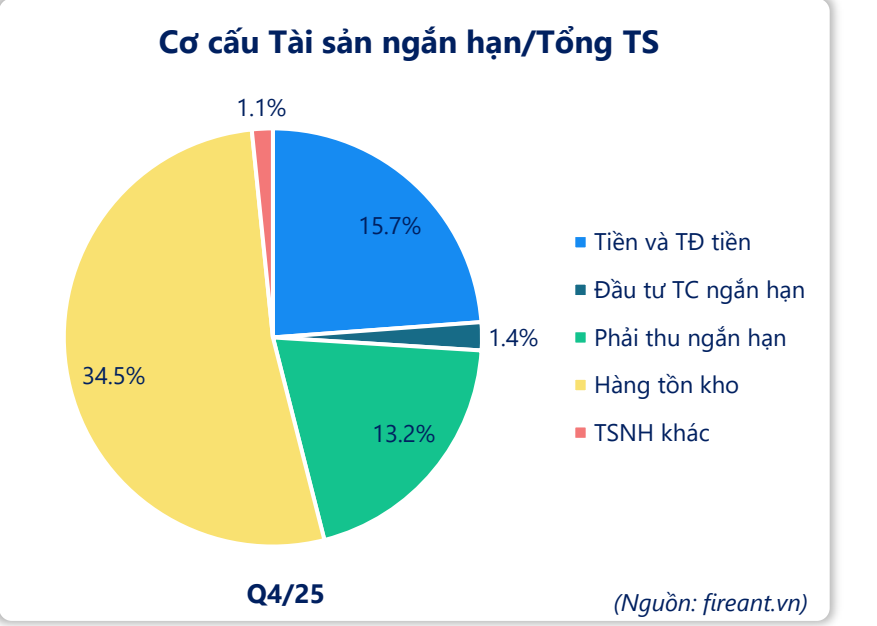
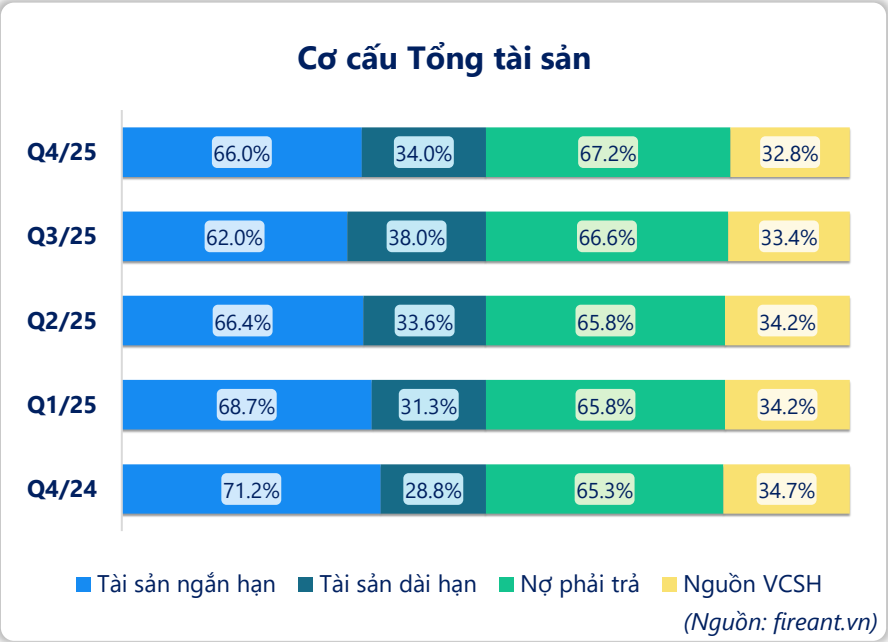
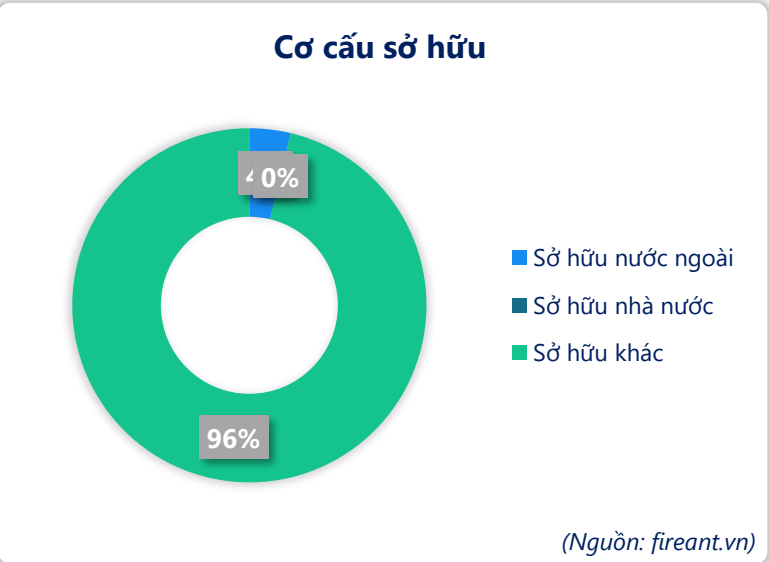
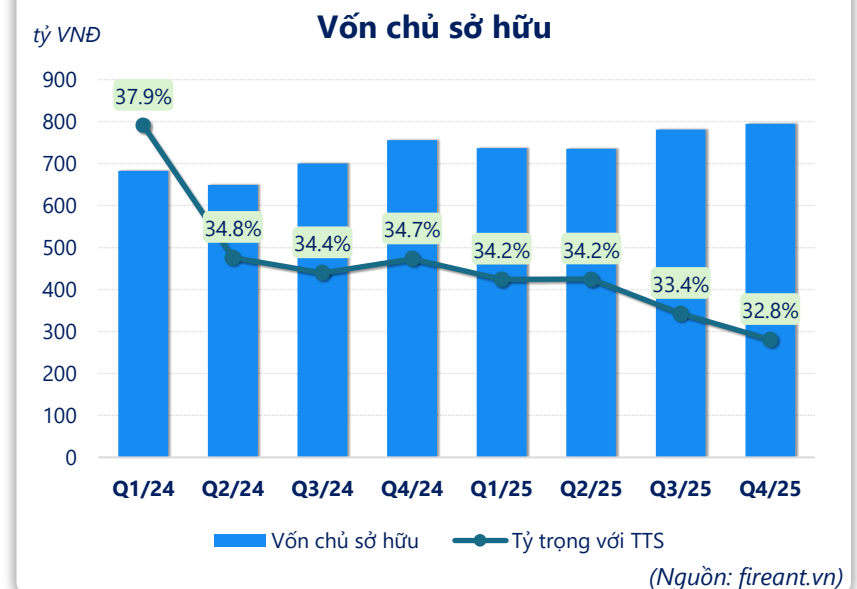
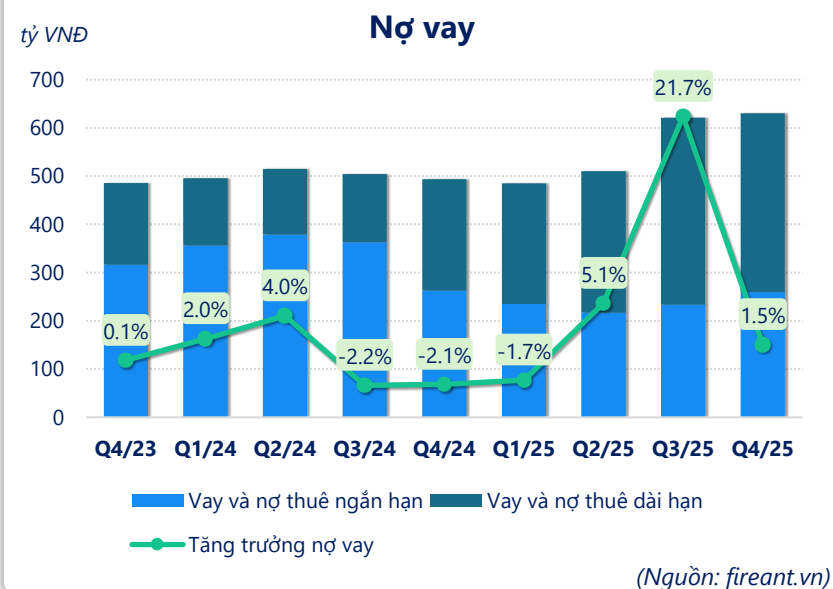
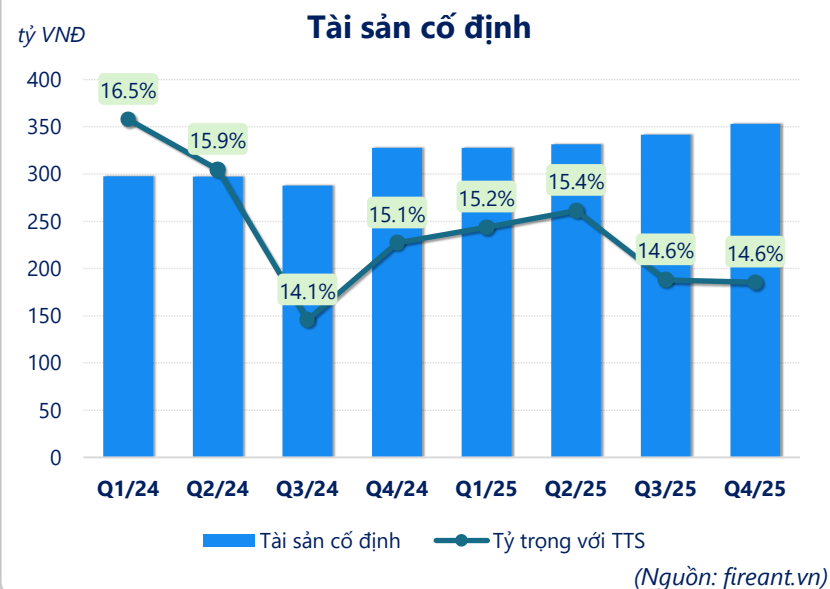
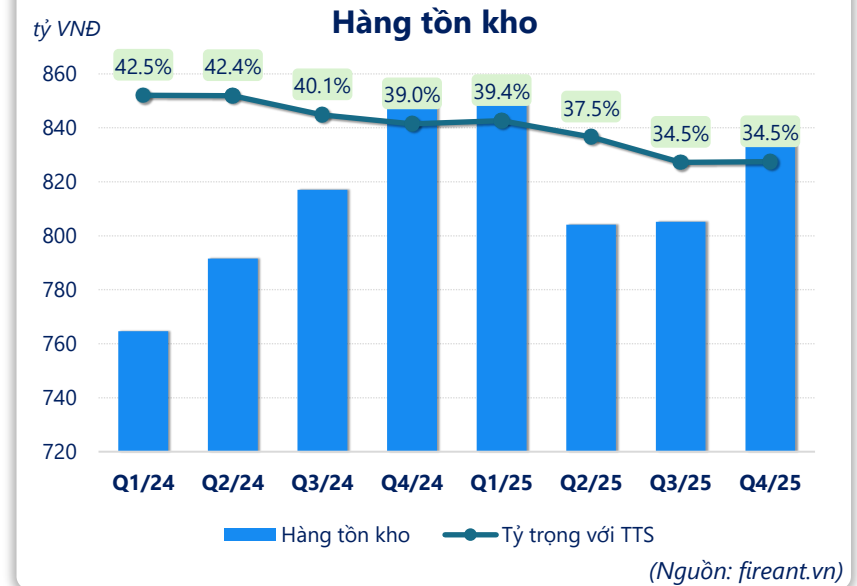
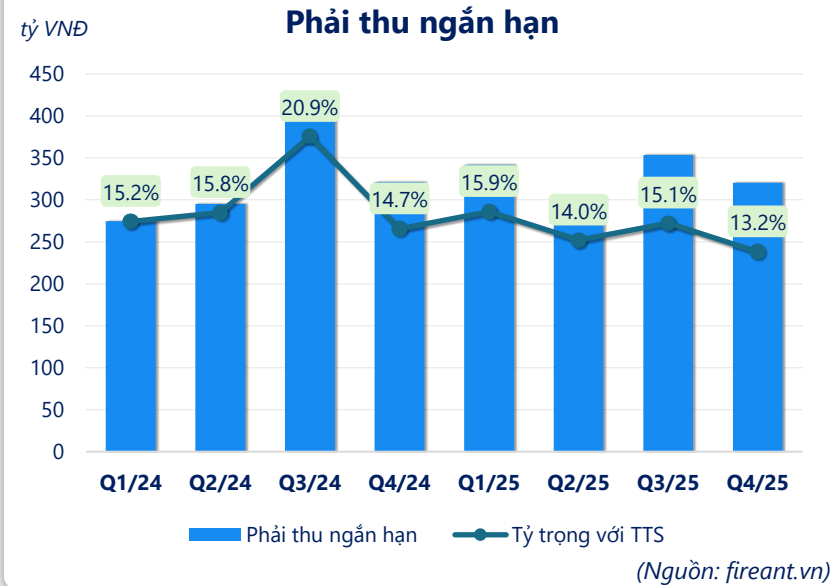
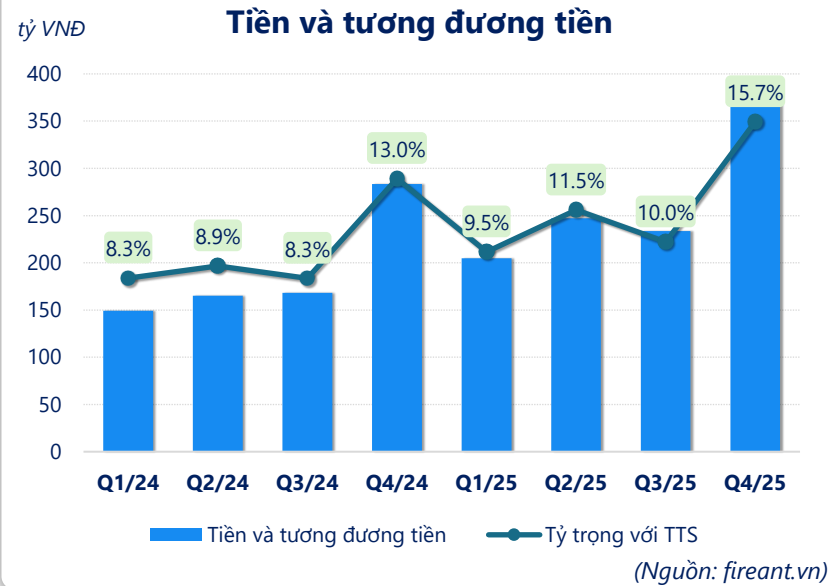
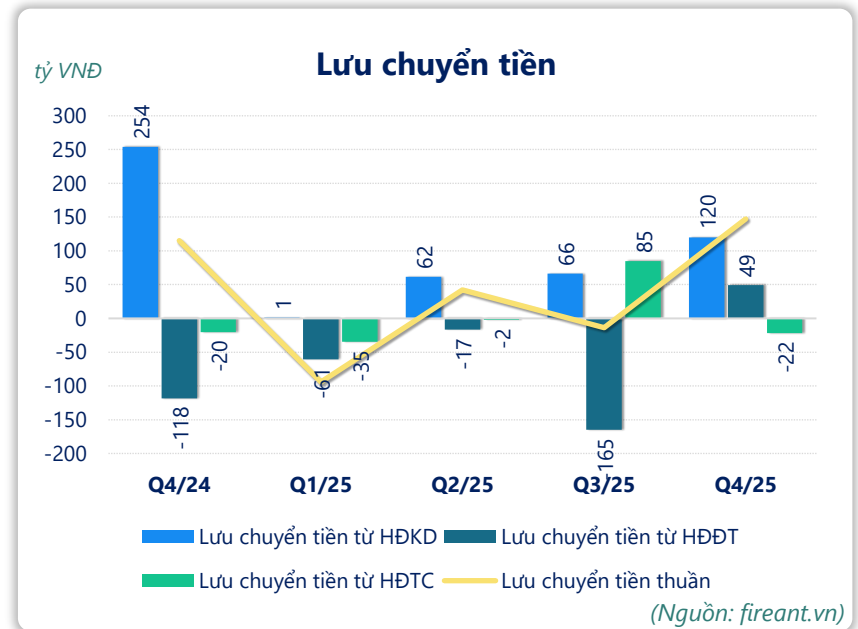
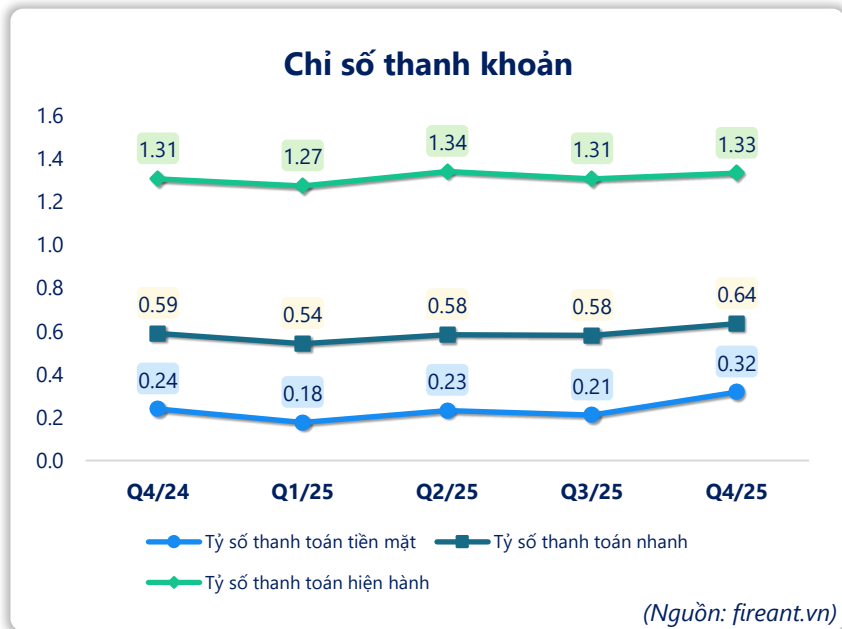
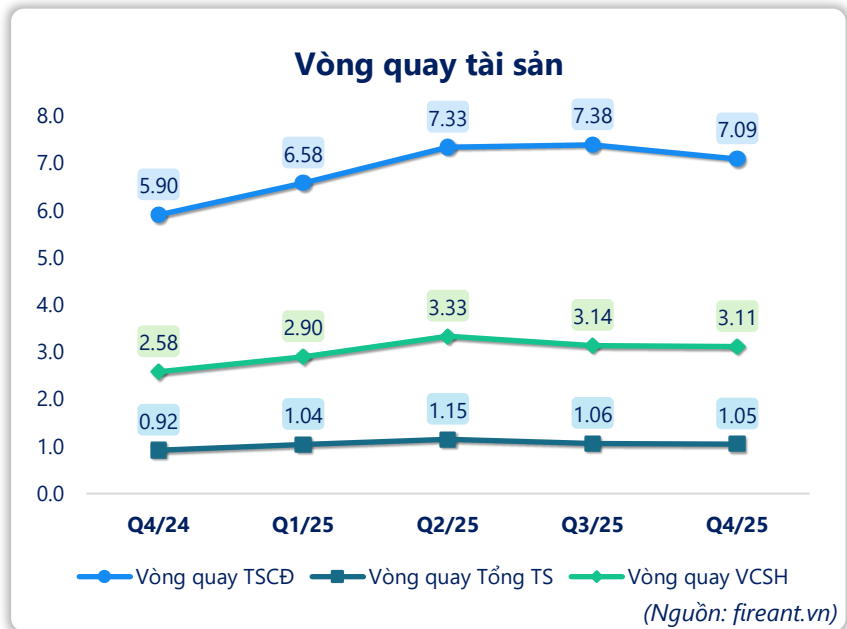
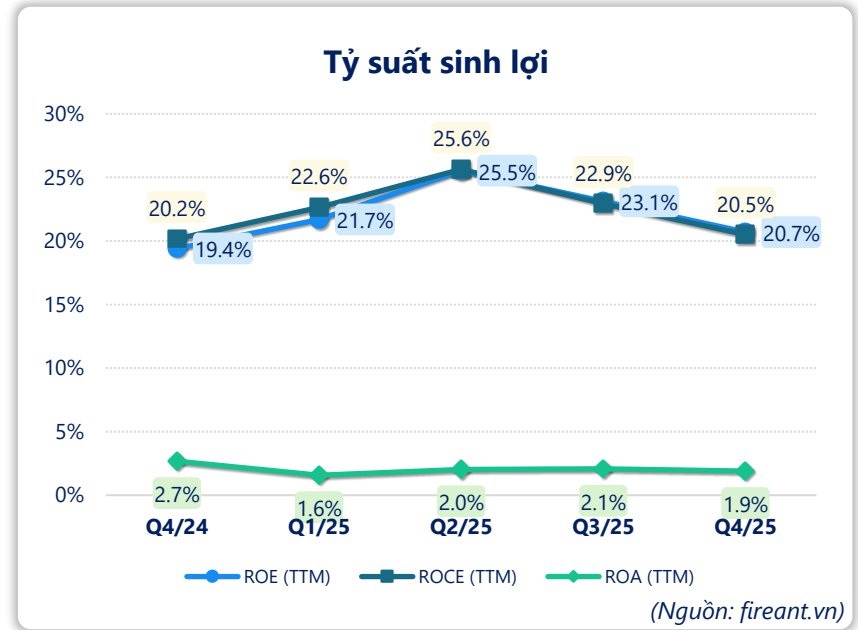
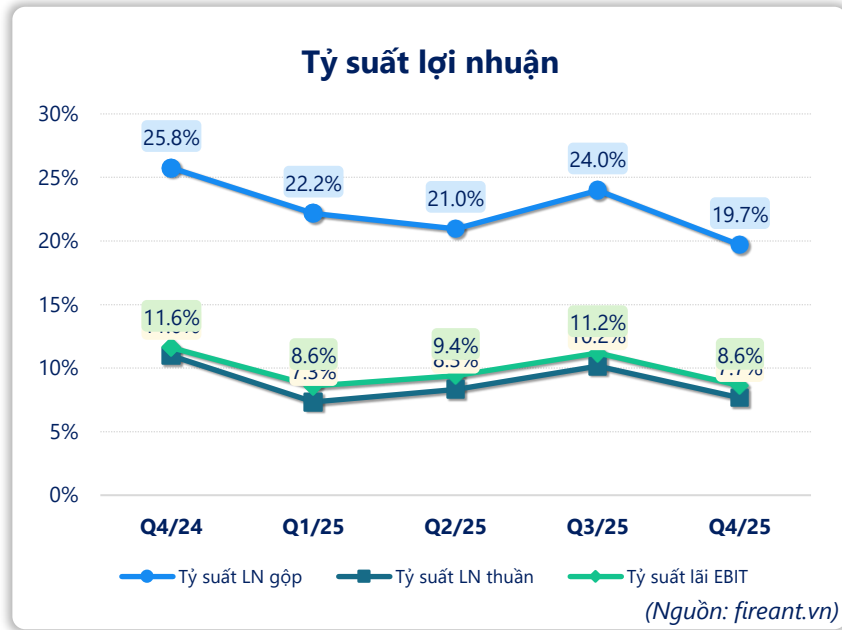
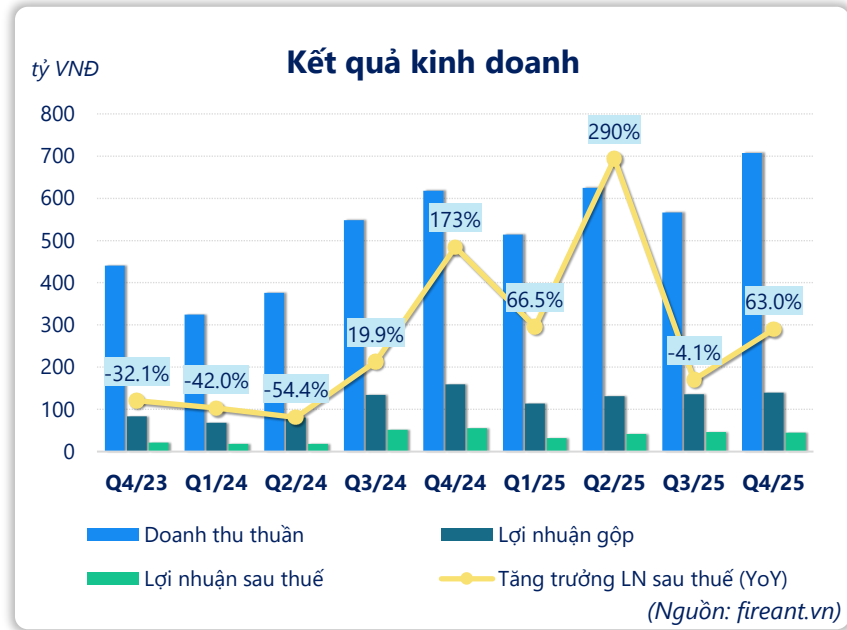


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		46,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		57,268
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		38,612
SL cổ phiếu LH		31,129,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,615
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,449
P/E		9.0
EPS		5,154

	YTD	1T	3T	6T
THG	17.9%	1.6%	-10.1%	-16.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,422	2,182	11.0%
Tài sản ngắn hạn	1,597	1,555	2.8%
Tiền và tương đương tiền	381	299	27.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.6	54.1	-36.2%
Phải thu ngắn hạn	320	320	0.1%
Hàng tồn kho	836	858	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	24.1	7.2%
Tài sản dài hạn	824	627	31.4%
Phải thu dài hạn	0.34	0.33	1.8%
Tài sản cố định	353	327	8.0%
Bất động sản đầu tư	16.1	17.6	-8.9%
Tài sản dở dang	401	271	48.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.91	0.36	707%
Tài sản dài hạn khác	50.3	11.3	345%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,627	1,450	12.2%
Nợ ngắn hạn	1,198	1,215	-1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	259	264	-1.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	448	451	-0.6%
Nợ dài hạn	429	235	82.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	370	230	61.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	794	731	8.6%
Vốn chủ sở hữu	794	731	8.6%
Vốn điều lệ	311	259	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	618	514	625	566	707
Giá vốn hàng bán	459	400	494	431	568
Lợi nhuận gộp	159	114	131	136	139
Doanh thu HĐTC	1.62	1.96	1.57	1.38	1.76
Chi phí TC	3.47	6.18	6.60	6.60	6.64
Chi phí lãi vay	3.29	6.13	6.50	6.47	6.61
LN trong công ty LKLD	0.02	0.00	0.06	0.01	0.02
Chi phí bán hàng	61.2	59.0	56.0	58.1	56.2
Chi phí QLDN	28.4	13.1	18.1	15.1	24.0
LN thuần từ HĐKD	67.8	37.8	51.9	57.5	54.1
Lợi nhuận khác	0.64	0.35	0.25	-0.62	0.21
LN trước thuế	68.4	38.1	52.2	56.9	54.3
Lợi nhuận sau thuế	55.6	31.9	41.5	46.2	44.5
LNST của CĐ cty mẹ	54.4	31.0	40.6	45.2	43.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	254	1.34	61.6	66.5	120
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-118	-60.6	-16.8	-165	49.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.3	-34.8	-2.48	84.9	-22.0
Tiền đầu kỳ	168	299	205	247	233
Lưu chuyển tiền thuần	115	-94.1	42.2	-13.5	147
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	283	205	247	233	381

(Nguồn: fireant.vn)